

TRAO ĐỔI CHÍNH SÁCH

**NHÌN LẠI CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ
CHO NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM**

TS. Hoàng Xuân Long¹

Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, Bộ KH&CN

ThS. Nguyễn Công Tú

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

Tóm tắt:

Chủ trương, chính sách đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (NC&PT) của Đảng và Nhà nước đã được thể hiện rõ trên nhiều mặt: mục tiêu phấn đấu tăng đầu tư, giải pháp tăng mức đầu tư và chú trọng hiệu quả đầu tư. Trên thực tế, các chủ trương, chính sách này vẫn còn những hạn chế nhất định. Phân tích những hạn chế của các chủ trương, chính sách đã ban hành có ý nghĩa gợi mở cho đổi mới chủ trương, chính sách trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Văn bản quy phạm pháp luật; Chính sách KH&CN; Chính sách đầu tư; NC&PT.

Mã số: 16060501

Ở nước ta, chủ trương, chính sách đầu tư cho NC&PT đã được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước. Điển hình là Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 20/4/1981 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Luật Khoa học và công nghệ năm 2000, Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Nghị định số 35-HĐBT ngày 28/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng, Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020. Bài viết sẽ phân tích những đặc điểm nổi bật trong các chủ trương, chính sách đã ban hành.

¹ Liên hệ tác giả: hoangxuan_long@yahoo.com, khanhtanhn05@yahoo.com

Mục tiêu phấn đấu tăng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

Lần đầu tiên, vào năm 1981, mục tiêu phấn đấu tăng đầu tư cho NC&PT được nêu trong Nghị quyết số 37-NQ/TW là “Cần nâng cao tỷ lệ đầu tư tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai lên khoảng 2% thu nhập quốc dân trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985”. Sau đó đến năm 1991, Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị định số 35-HĐBT xác định “hàng năm, Nhà nước dành ít nhất 2% ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”. Từ Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, mục tiêu hướng tới là “Tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước hàng năm chi cho KH&CN để đến năm 2000 đạt không dưới 2% tổng chi ngân sách”.

Sự điều chỉnh từ “thu nhập quốc dân” sang “ngân sách nhà nước” và từ “NC&PT” sang “KH&CN” là những thay đổi khái niệm khá rõ. Đó là chiều hướng giảm mức đầu tư vào NC&PT².

Một xu hướng nữa là chú ý hơn đến đầu tư đón đầu tương lai với quan điểm của Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI, coi phát triển và ứng dụng KH&CN “là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp”.

Giải pháp tăng mức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

Đã có nhiều loại giải pháp khác nhau được thực hiện nhằm nâng mức đầu tư cho NC&PT:

- Ngoài nguồn trực tiếp từ ngân sách nhà nước còn có các nguồn khác:
 - + *Từ công trình lớn*: quy định một tỷ lệ thích đáng trích từ vốn xây dựng các công trình lớn để nghiên cứu, thực nghiệm các vấn đề KH&CN phục vụ cho việc xây dựng và vận hành công trình đó³; quy định trích một phần vốn của các dự án đầu tư để tiến hành nghiên cứu, phân biện, đánh giá những vấn đề KH&CN có liên quan tới nội dung, chất lượng dự án⁴;
 - + *Từ tổ chức KH&CN*: cho phép các cơ quan khoa học được tự mình tổ chức sản xuất kinh doanh hoặc liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để sản xuất, kinh doanh (kể cả xuất khẩu) các sản phẩm do hoạt động nghiên cứu và triển khai của

² Tại thời điểm năm 2013, ở nước ta, đầu tư NC&PT chiếm 43% đầu tư KH&CN; trong đó, tỷ lệ từ ngân sách nhà nước là 38,8%, doanh nghiệp là 53,5%, vốn đầu tư nước ngoài là 17,6% (Bộ Khoa học và Công nghệ. (2015) *KH&CN Việt Nam 2014*. Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật, tr. 83).

³ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị.

⁴ Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

mình tạo ra, để có thêm vốn đầu tư cho các hoạt động khoa học ngoài phần đã được ngân sách nhà nước cấp⁵;

- + *Từ doanh nghiệp*: quy định các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế cần dành một phần vốn của mình để chi cho công tác nghiên cứu và triển khai nhằm đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm⁶; khuyến khích các doanh nghiệp dành một phần vốn cho nghiên cứu đổi mới⁷;
- + *Từ quốc tế*: các chính sách thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cho hoạt động KH&CN⁸.
- Có những quy định mang tính hành chính bắt buộc dự án đầu tư, doanh nghiệp phải dành khoản kinh phí vào NC&PT. Bên cạnh đó, cũng có các biện pháp kinh tế khuyến khích đầu tư vào NC&PT thông qua ưu đãi thuế, tín dụng,...
- Cùng với hình thức trực tiếp chi cho NC&PT còn có hình thức thông qua quỹ và hình thức hợp tác công tư. Hình thức qua quỹ được quy định tại Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Điều 39, 40 và 41 của Luật KH&CN năm 2000, Điều 59, 60, 61, 62 và 63 của Luật KH&CN năm 2013,... Huy động kinh phí cho NC&PT thông qua hợp tác công tư được nêu ở Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Các giải pháp chính sách khác nhau thể hiện nỗ lực cao của Đảng và Nhà nước trong tăng mức đầu tư cho NC&PT. Nhiều giải pháp chính sách tương thích với kinh nghiệm các nước trên thế giới.

Các giải pháp chính sách tăng đầu tư cho NC&PT ở nước ta đã có sự thay đổi theo thời gian. Đặc biệt, một số chính sách như quy định một tỷ lệ thích đáng trích từ vốn xây dựng các công trình lớn để nghiên cứu các vấn đề KH&CN phục vụ cho việc xây dựng và vận hành công trình đó, trích một phần vốn của các dự án đầu tư để tiến hành nghiên cứu những vấn đề KH&CN có liên quan tới nội dung dự án,... các chính sách này chỉ tồn tại một thời gian rồi mất đi.

Quá trình bổ sung, loại trừ, điều chỉnh trong chủ trương, chính sách đầu tư cho NC&PT không liên quan nhiều đến thay đổi về bối cảnh hoặc trong mục tiêu nâng mức đầu tư cho NC&PT. Về cơ bản, đó là quá trình tìm kiếm, thử nghiệm để tìm ra giải pháp chính sách phù hợp. Như vậy, chúng

⁵ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị.

⁶ Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị.

⁷ Nghị quyết số 02-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII; Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Điều 38, Luật KH&CN năm 2000; Điều 58, Luật KH&CN năm 2013,...

⁸ Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

ta từng bỏ ra nhiều thời gian để tìm kiếm, lựa chọn các giải pháp và một số giải pháp đã có điều kiện được kiểm nghiệm qua một thời gian dài.

Hiệu quả đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

Trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiệu quả đầu tư cho NC&PT đã được chú ý khá sớm và trên nhiều khía cạnh:

- Quán triệt nguyên tắc chung là: đầu tư cho NC&PT phải là con đường góp phần nhanh chóng nâng cao năng suất lao động xã hội; nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động khoa học và kỹ thuật, làm cho việc đầu tư cho khoa học và kỹ thuật trong thực tế trở thành hướng đầu tư có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân⁹; cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả phần ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN¹⁰;
- Nhấn mạnh kiểm soát đầu tư và đầu tư dựa theo hiệu quả: tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN ở các Bộ, ngành, địa phương; áp dụng chính sách đầu tư cho tổ chức KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra¹¹;
- Ngân sách chi cho NC&PT được đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt chú ý đến các nhiệm vụ KH&CN quốc gia, các sản phẩm quốc gia¹²;
- Tăng quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sử dụng kinh phí của nhà nước¹³. Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN¹⁴;
- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng đối với các nhiệm vụ KH&CN. Áp dụng các hình thức mua, khoán sản phẩm phù hợp với đặc điểm của từng loại hình hoạt động KH&CN¹⁵;
- Cố gắng lồng ghép quan hệ gắn kết nghiên cứu với sản xuất vào đầu tư cho NC&PT thông qua quy định các công trình lớn phải đầu tư cho nghiên cứu khoa học, quy định và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho NC&PT,...

⁹ Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị.

¹⁰ Điều 37, Luật KH&CN năm 2000.

¹¹ Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

¹² Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI; Điều 37, Luật KH&CN năm 2000; Điều 50, Luật KH&CN năm 2013.

¹³ Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁴ Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

¹⁵ Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nhận định về kết quả thực hiện

Nhìn lại những năm vừa qua, đầu tư cho NC&PT ở nước ta đã đạt được mức tăng vượt bậc¹⁶ nhưng cũng bộc lộ một số bất cập cơ bản.

Một là, mức đầu tư cho NC&PT còn rất thấp. Tổng đầu tư toàn xã hội cho NC&PT năm 2013 là 13.390 tỷ VNĐ (*Bộ KH&CN, 2015, tr.83*). So sánh với một số nước ASEAN, đầu tư cho NC&PT của Việt Nam chỉ bằng 30% của Indonesia, 15% của Malaysia và 6,4% của Singapore¹⁷. Mức đầu tư thấp đã được nêu rõ trong các nhận định về đầu tư cho KH&CN nói chung tại Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 02-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hai là, một số giải pháp chính sách thúc đẩy đầu tư cho NC&PT dường như không vào được cuộc sống, như quy định các công trình lớn phải trích một tỷ lệ thích đáng từ vốn xây dựng để nghiên cứu phục vụ cho việc xây dựng và vận hành công trình, quy định trích một phần vốn của các dự án đầu tư để tiến hành nghiên cứu những vấn đề KH&CN có liên quan tới nội dung dự án,...

Ba là, đầu tư cho KH&CN nói chung và đầu tư cho NC&PT nói riêng chưa mang lại hiệu quả rõ rệt và phát huy tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội. Thiếu hiệu quả đã là điệp khúc được nhiều lần nhắc tới trong các văn kiện chính thức ở các thời kỳ khác nhau: “Đầu tư của Nhà nước cho KH&CN quá thấp lại sử dụng kém hiệu quả”¹⁸; “Việc phân bổ và sử dụng ngân sách cho KH&CN chưa hợp lý, chưa có hiệu quả”¹⁹; “đầu tư cho KH&CN còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao”²⁰. Nếu nhìn lại nhận định trong Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 20/4/1981 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật: “Kế hoạch khoa học và kỹ thuật chưa trở thành một bộ phận hữu cơ của kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội; Chính sách đầu tư dài hạn và có trọng điểm cho khoa học và kỹ thuật chưa được xây dựng, vốn đầu tư hiện nay chưa thích đáng”, có thể thấy,

¹⁶ Chẳng hạn, mức đầu tư chung cho KH&CN từ ngân sách nhà nước năm 1996: 611 tỷ VNĐ, năm 2000: 1.885 tỷ VNĐ, năm 2006: 5.429 tỷ VNĐ, năm 2010: 9.170 tỷ VNĐ, năm 2013: 17.085 tỷ VNĐ (*nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ*).

¹⁷ *Tính toán theo Battelle. R&D Magazine, International Monetary Fund, World Bank, CIAWorld Factbook, 12/2013.*

¹⁸ Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị.

¹⁹ Nghị quyết số 02-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

²⁰ *Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.*

suốt một thời gian dài chúng ta vẫn chưa đạt được bước tiến đáng kể trong việc giải quyết vấn đề đặt ra.

Hiệu quả đầu tư có ý nghĩa hỗ trợ quan trọng đối với thu hút đầu tư. Ở nước ta, chừng nào hiệu quả của các hoạt động NC&PT còn thiếu rõ ràng, chắc chắn ý nghĩa hỗ trợ này chưa thể thể hiện.

Bốn là, bất cập trong thực hiện chỉ tiêu đầu tư cho NC&PT dù có ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển KH&CN nhưng không gây nên tác động rõ rệt tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được đề ra.

Thực trạng đầu tư cho NC&PT thường được quy về nguyên nhân, chưa nhận thức đầu tư cho KH&CN là đầu tư phát triển, chưa có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động các nguồn vốn NC&PT²¹. Dưới đây sẽ bàn tới một số nguyên nhân khác như cách xác định mục tiêu và điều kiện để đầu tư cho NC&PT đạt được hiệu quả.

Ở nước ta, việc chuyển từ chỉ cho NC&PT sang chỉ cho KH&CN đã làm cho mục tiêu trở nên thiếu rõ ràng hơn. So với NC&PT, KH&CN gắn với hoạt động kinh tế, đầu tư vào KH&CN dễ mang lại lợi ích kinh tế, do vậy, thuận lợi trong thu hút đầu tư. Tuy nhiên, chuyển sang đối tượng đầu tư là KH&CN gây nên một số khó khăn.

Phạm vi KH&CN rất rộng và phức tạp, bao gồm cả NC&PT, dịch vụ KH&CN, đào tạo KH&CN. Đó là những lĩnh vực khác nhau về tính chất hoạt động liên quan tới đầu tư, nhu cầu đầu tư, khả năng thu hút đầu tư. Đặt trong khuôn khổ chung là đầu tư cho KH&CN, mục tiêu đầu tư cho NC&PT không phải nhận được thêm hỗ trợ mà còn mờ nhạt và giảm bớt sự tập trung ưu tiên.

Các nước thường không sử dụng mục tiêu đầu tư cho KH&CN mà là đầu tư cho NC&PT. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, so sánh mức đầu tư với bên ngoài có tác dụng gây sức ép thúc đẩy nâng mức đầu tư trong nước²². Xem

²¹ Ví dụ: “Chưa nhận thức đầu tư cho KH&CN là đầu tư phát triển. Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động KH&CN còn quá thấp. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị (khoá VI) quy định mức đầu tư tối thiểu 2% Tổng chi ngân sách nhà nước cho KH&CN không được chấp hành nghiêm chỉnh (trong nhiều năm tỷ lệ này chỉ dưới 1%). ...Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách cho việc phát triển KH&CN” (Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000).

²² Thông thường, chỉ số đầu tư cho NC&PT có khả năng tạo ra áp lực giữa các nước. Trong nửa thế kỷ qua, Hoa Kỳ được cho là thống trị đầu tư cho NC&PT toàn cầu. Nhiều nước đã nỗ lực nâng đầu tư để giảm bớt vị thế của Hoa Kỳ. Hiện nay, Trung Quốc đang khiến thế giới chú ý bởi đã đạt mức tăng hai con số trong đầu tư hàng năm cho NC&PT trong vòng hai thập kỷ. Người ta bàn về các thách thức mà Trung Quốc đặt ra đối với các nước, nói tới những nước đã bị Trung Quốc qua mặt và đưa ra cả dự báo như 10 năm tới nước này sẽ vượt Hoa Kỳ về đầu tư cho NC&PT... Tình cạnh tranh trong đầu tư cho NC&PT cũng được các nhà kinh tế ghi nhận, chẳng hạn, trong giáo trình *Kinh tế học*, các tác giả David Begg - Stanley Fischer - Rudiger Dornbusch đã nhấn mạnh “các so sánh quốc tế” khi phân tích về chi phí cho NC&PT. Cũng có cả việc thực hiện xếp hạng các nước theo thang bậc đầu

vậy, thiếu tương thích với thế giới trong mục tiêu đầu tư cho NC&PT là một điểm bất lợi của chúng ta.

Mặt hạn chế khác là chưa xác định rõ các nhiệm vụ đối với các hoạt động NC&PT cần tập trung đầu tư. Cụ thể là trên các mặt: vai trò, ý nghĩa của NC&PT đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; mức độ tập trung và giới hạn về phạm vi, đối tượng, thời gian của hoạt động NC&PT được ưu tiên đầu tư; quyết tâm và trách nhiệm của cấp giao nhiệm vụ NC&PT; khác nhau giữa vai trò, ý nghĩa của NC&PT nói chung và nhiệm vụ cụ thể được ưu tiên tập trung đầu tư. Trên thực tế, chúng ta không chỉ thiếu những nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ và có tính thuyết phục mà còn đang có không ít nhiệm vụ nghiên cứu không đủ tầm, thiếu ý nghĩa khoa học...

Chủ trương “ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước” trong Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI là cách tiếp cận mới. Việc nhấn mạnh đi trước một bước sẽ cổ động cho đầu tư hướng tới tương lai. Tuy vậy, mục tiêu trong tương lai cũng phải rõ ràng. Đây là một thách thức bởi mục tiêu đón đầu dài hạn sẽ khó xác định hơn mục tiêu trước mắt.

Ngoài GDP, tăng đầu tư cho NC&PT còn chịu sự chi phối từ các điều kiện khác như tương thích với nhân lực NC&PT và năng lực quản lý NC&PT. Đội ngũ nhân lực NC&PT ở nước ta vốn bị hạn chế về nhiều mặt: số lượng nhân lực NC&PT chưa nhiều; chất lượng nhân lực NC&PT chưa cao (thiếu các nhà khoa học có trình độ cao, có khả năng dẫn dắt các hướng nghiên cứu lớn; một bộ phận không nhỏ các cán bộ trong biên chế của các tổ chức KH&CN nhà nước không đủ năng lực chuyên môn nghiên cứu khoa học); cơ cấu nhân lực theo lĩnh vực khoa học, ngành kinh tế thiếu hợp lý (điển hình như số nhân lực NC&PT trong các ngành công nghệ cao được ưu tiên phát triển (có khả năng thu hút đầu tư lớn) chỉ chiếm phần tỷ lệ nhỏ.

Đó là những bất cập có ảnh hưởng đến đầu tư cho NC&PT trên các khía cạnh tương ứng: mức đầu tư cho tổng nhân lực NC&PT chung, mức đầu tư qua các nhà khoa học đầu ngành, mức đầu tư nhằm vào các lĩnh vực và ngành nghề ưu tiên. Khía cạnh thứ nhất là quy mô đầu tư chung, hai khía cạnh sau là đầu tư mang tính chiến lược. Cần nhấn mạnh đến đầu tư mang tính chiến lược (gắn với lực lượng NC&PT chiến lược - đúng hơn là lực lượng NC&PT sẵn sàng cho những hướng phát triển chiến lược), bởi đây là phần có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng mức đầu tư cho NC&PT của một quốc gia.

tu cho NC&PT. Mới đây, Hoa Kỳ đã bị cảnh báo là giảm 8 bậc trong số các quốc gia của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) về đầu tư cho NC&PT...

Quản lý kinh phí NC&PT đang có những hạn chế trong xác định và vận hành phương thức quản lý, xây dựng và thực thi các quy định quản lý cụ thể. Thực tế đang có biểu hiện năng lực quản lý hiện tại không theo kịp yêu cầu quản lý. Chủ trương thực hiện đổi mới toàn diện, triệt để quản lý NC&PT mới đạt được một số kết quả ban đầu và còn nhiều tồn tại cơ bản cần tiếp tục giải quyết.

Hơn cả những lý do thường được nói tới là nhận thức và giải pháp chính sách trực tiếp huy động kinh phí cho NC&PT, ảnh hưởng về cách xác định mục tiêu đầu tư và điều kiện phát huy hiệu quả đầu tư có ý nghĩa thực sự quan trọng.

Những nỗ lực, kiên trì tuyên truyền nâng cao nhận thức vai trò của KH&CN và áp dụng các giải pháp nhằm tăng đầu tư cho NC&PT thời gian vừa qua là rất lớn. Tuy nhiên, nhận thức không thể thoát ly thực tế phát huy của hoạt động NC&PT - biểu hiện của hiệu quả đầu tư cho NC&PT. Nhận thức cũng cần thể hiện rõ trong cách xác định mục tiêu đầu tư cho NC&PT. Giải pháp chính sách huy động kinh phí cho NC&PT không thể bỏ qua mục tiêu đầu tư và điều kiện phát huy.

Chúng ta được dẫn dắt theo khẩu hiệu “đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho phát triển”. Cần hiểu khẩu hiệu này theo hàm ý là đầu tư cho NC&PT (và KH&CN nói chung) phải mang lại sự “phát triển” thiết thực cho đất nước - một sự phát triển đặt trong bối cảnh cụ thể hiện nay... Đó là cách đặt vấn đề có trách nhiệm hơn đối với nguồn vốn từ xã hội dành cho NC&PT. Cần thống nhất giữa quy mô đầu tư và hiệu quả đầu tư theo hướng đặt trọng số vào hiệu quả đầu tư. Như vậy, đổi mới cách thức xác định mục tiêu và tích cực, chủ động tạo lập các điều kiện thuận lợi là những vấn đề cần tập trung trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. (1996) *50 năm KH&CN Việt Nam 1945 - 1995*. Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2002) *Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2001*.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2004) *Bộ KH&CN: 45 năm xây dựng và phát triển*.
4. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2009) *50 năm KH&CN Việt Nam 1959 - 2009*. Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
5. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2015) *Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2014*. Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
6. *Khoa học công nghệ Việt Nam: Dấu ấn nửa thế kỷ*. - <http://www.baomoi.com/khcn-viet-nam-dau-an-nua-the-ky/c/3721272.epi>

